

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/DS-ST

Ngày 25-6-2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản giữa bà L và anh C”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Túy

2. Bà Nguyễn Thị Đoan.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đăng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXX-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị L, sinh năm 1959

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

- **Bị đơn:** Anh Tống Ngọc C, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt bà L và chị T; vắng mặt anh C*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày:

Chị Trần Thị Thu T là con gái bà. Trước kia chị T và anh Tổng Ngọc C là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào năm 2020. Khoảng tháng 4/2019, thời còn là vợ chồng, anh C, chị T có vay của bà số tiền 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) để anh C xây nhà ở tại xã Q. Đến khi, anh C chị T làm thủ tục ly hôn thì anh C, chị T thỏa thuận anh C sẽ được quyền sử dụng nhà mới xây ở xã Q, huyện Q và phải có trách nhiệm trả bà số tiền 180.000.000 đồng. Chị T không được sử dụng nhà, không có trách nhiệm trả số tiền trên. Do đó, ngày 04/5/2020, tại nhà bà ở T xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (thời điểm này bà vẫn cư trú tại T, xã C), anh C tự tay viết giấy vay tiền, nội dung: anh C vay của bà số tiền 180.000.000 đồng để xây nhà và hứa sẽ trả dần cho bà 2.000.000đồng/tháng (*Hai triệu đồng một tháng*), bắt đầu từ tháng 5/2020. Anh C, bà L cùng ký tên vào giấy biên nhận. Việc viết giấy biên nhận có sự chứng kiến của ông Nguyễn Trọng N là Tiểu khu trưởng khu C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Bà khẳng định khoản nợ trên là nợ riêng của anh C, không liên quan đến chị T. Đã nhiều lần bà đòi nhưng anh C chưa trả được khoản tiền nào, gây khó khăn cho bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu anh Tổng Ngọc C trả cho bà số tiền 180.000.000 đồng, bà không yêu cầu anh C trả tiền lãi suất.

Số tiền chi phí giám định 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà đã nộp cho Tòa án 01 Giấy vay tiền do anh C viết, ký tên.

Bị đơn anh Tổng Ngọc C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thu T trình bày: Chị xác định quan hệ giữa chị với anh Tổng Ngọc C và bà Bùi Thị L cũng như nội dung khởi kiện mà bà L đã trình bày là đúng. Chị T khẳng định đây là khoản nợ riêng của anh C, vì khi vợ chồng ly hôn, anh C nhận trách nhiệm trả 180.000.000 đồng cho bà L và anh C có quyền sử dụng ngôi nhà xây ở thôn N, xã Q. Do đó, anh C đã viết giấy vay số tiền 180.000.000 đồng của bà L, khoản tiền này không liên quan đến chị. Nay bà L khởi kiện yêu cầu anh C trả nợ cho bà L khoản nợ trên, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 160, Điều 161, Điều 162 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L: Buộc anh Tổng Ngọc C có

trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị L số tiền vay chưa trả 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*). Bà L không yêu cầu anh C trả tiền lãi suất. Anh C phải chịu chi phí giám định chữ viết và chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu anh Tống Ngọc C trả tiền vay chưa trả, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn anh C có nơi cư trú thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện: Bà Bùi Thị L khởi kiện anh Tống Ngọc C trả số tiền gốc của khoản tiền vay chưa trả 180.000.000 đồng. Tòa án đã tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh C cố tình vắng mặt, không giao nộp cho Tòa án chứng cứ, tài liệu nào cố tình gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà L, chị T giao nộp và các tài liệu chứng có mà Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án đã thu thập được thể hiện:

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 111/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, đã công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thu T và anh Tống Ngọc C, về tài sản chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra còn giải quyết về con chung và án phí.

Toà án đã ra quyết định trưng cầu giám định số 01/2024/QĐ-TCGD để giám định chữ ký, chữ viết, mang tên Tống Ngọc C trong Giấy vay tiền (*ký hiệu A*) so với chữ ký, chữ viết của Tống Ngọc C trên các mẫu so sánh là các tài liệu có trong hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình giữa anh C và chị T, gồm: Bản tự khai của anh C, biên bản giao thông báo thụ lý vụ án, biên bản giao thông báo về phiên hoà giải cùng ngày 09/6/2020; biên bản hoà giải ngày 30/6/2020, biên bản giao nhận thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải ngày 3/8/2020 và biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải ngày 07/8/2020 (*ký hiệu từ M1 đến M6*). Tại Bản kết luận giám định số 293/KL-KTHS ngày 09/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Chữ ký, chữ viết tại giấy vay tiền (*ký hiệu A*) so với chữ ký, chữ viết của Tống Ngọc C nêu trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 do cùng một người ký, viết ra.

Kết quả uỷ thác thu thập chứng cứ cho Toà án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La để lấy lời khai của ông Nguyễn Trọng N: Ông N cung cấp thời gian ngày 04/5/2020, ông là tiểu khu trưởng khu C xã C. Ông N xác nhận anh Tống Ngọc C có vay của bà L số tiền 180.000.000 đồng. Anh C viết giấy vay và ký trước mặt ông. Ông đã xác nhận nội dung phía sau của giấy vay tiền. Ông nghe nói anh C vay để làm nhà. Còn thời hạn vay, lãi suất... ông không nắm rõ.

Kết quả xác minh với Công an xã Q và cơ sở thôn N, xã Q thấy: Anh Tống Ngọc C hiện cư trú tại thôn N, xã Q. Anh C và chị Trần Thị Thu T là vợ chồng nhưng đã được Toà án giải quyết ly hôn năm 2020. Anh C đã kết hôn với người khác. Khoảng năm 2020 gia đình anh C có làm nhà 03 tầng tại xã Q. Anh C đi làm rất sớm, tối về rất muộn.

Từ những chứng cứ nêu trên nên có đầy đủ căn cứ xác định anh Tống Ngọc C vay của bà Bùi Thị L số tiền 180.000.000 đồng.

Việc vay tiền của anh C cũng như việc cho vay tiền của bà L tự nguyện. Theo giấy vay tiền ngày 04/5/2020 thể hiện: anh Tống Ngọc C vay số tiền 180.000.000 đồng của bà L, hẹn trả 2.000.000 đồng/tháng từ tháng 5/2020 đến khi trả hết số tiền vay, không thể hiện về lãi suất. Giấy vay tiền thể hiện đầy đủ nội dung của hợp đồng vay tài sản. Đây là hợp đồng vay không có tài sản bảo đảm, có kỳ hạn, không có lãi suất, thể hiện sự tự nguyện, bình đẳng, không bên nào bị ép buộc, lừa dối và phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện.

Về lãi suất: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về chi phí giám định chữ viết, chữ ký: Quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Thị L có ý kiến nhận chịu cả tiền chi phí giám định nhưng tại phiên tòa bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do kết quả giám định chữ viết, chữ ký của anh Tống Ngọc C, mà bà L yêu cầu được Toà án chấp nhận nên anh C phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ viết, chữ ký, bà L đã nộp tạm ứng nên anh C phải hoàn trả bà L số tiền chi phí giám định là 2.500.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 160, Điều 161 và Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Anh Tống Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 160, Điều 161, Điều 162 và Điều 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L: Buộc anh Tổng Ngọc C phải trả cho bà L số tiền 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*). Bà L không yêu cầu anh C trả tiền lãi suất.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/6/2024) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí giám định chữ viết, chữ ký: Anh Tổng Ngọc C phải chịu toàn bộ tiền chi phí giám định chữ viết, chữ ký 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Anh C phải trả lại bà L số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), tiền tạm ứng chi phí giám định mà bà L đã nộp.

3. Về án phí: Anh Tổng Ngọc C phải chịu 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Bùi Thị L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thu T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn anh Tổng Ngọc C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục thi hành án dân sự h. Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên